

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LÀO CAI,
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2019/HS-ST
Ngày 25 – 11 – 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LÀO CAI, TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Mai Phương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Huy Cảm

2. Bà Phạm Thị Xuyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Khánh Nguyệt – Là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Ngọc Thạch- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2019, tại Hội trường xét xử số 1 – Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 99/2019/HSST ngày 30 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 104/2019/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 11 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2019/QĐ-ST ngày 14 tháng 11 năm 2019 và đối với các bị cáo:

1. **Bị cáo: LÊ ANH T**; tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 14/2/1990 tại thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái; Nơi cư trú: Tổ 8, phường P, thị xã N, tỉnh Yên Bái; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: Lớp 12/12. Con ông Lê Văn T và bà Vũ Thị Duyên H. Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền sự: Không; Tiền án: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/4/2019, được áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh từ ngày 19/4/2019. Có mặt.

2. **Bị cáo: LẠI TIẾN H**, tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 28/12/1988 tại Yên Bái; Nơi cư trú: Tổ 07 (tổ 09B cũ), phường Đ, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 12/12. Con ông Lại Tiến H và bà Nguyễn Thị T. Bị cáo có vợ là Lò Thị Q và có 02 người con đều sinh năm 2015.

Tiền sự: Không; Tiền án: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/4/2019, được áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh từ ngày 19/4/2019. Có mặt.

3. *Bị cáo:* **PHẠM VĂN Q**, tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 20/4/1994 tại huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái; Nơi cư trú: Đội 16, xã H, huyện Y, tỉnh Yên Bái; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 12/12. Con ông Phạm Văn T, và bà Phạm Thị S. Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền sự: Không; Tiền án: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/4/2019, được áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh từ ngày 19/4/2019. Có mặt.

4. *Bị cáo:* **HOÀNG VĂN M**, tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 28/11/1994 tại huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái. Nơi cư trú: Thôn Hợp T, xã Phú T, huyện yên B, tỉnh Yên Bái; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Con ông Hoàng Văn B và bà Mai Thị D. Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền sự: Không; Tiền án: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/4/2019, được áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh từ ngày 19/4/2019. Có mặt.

5. *Bị cáo:* **TRẦN LÂM H** tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 17/2/1996 tại thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái; Nơi cư trú: Thôn T, xã Văn P, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 11/12. Con ông Trần Thế V và bà Nguyễn Thị L. Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền sự: Không; Tiền án: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/4/2019, được áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh từ ngày 19/4/2019. Có mặt.

6. *Bị cáo:* **NGUYỄN VĂN H**, tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 31/7/1987 tại Hà Nội. Nơi cư trú: Thôn N, xã Liên N, huyện T, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 10/12. Con ông: Nguyễn Văn T và bà Vũ Thị S. Bị cáo có vợ là Lê Thị N và có 3 người con, lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2017.

Tiền sự: Bị cáo bị Công an huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội phạt 3.000.000 đồng. Bị cáo đã thi hành xong.

Tiền án: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/4/2019, được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 13/4/2019. Có mặt.

7. Bị cáo: **NGÔ THỊ HỒNG N**, tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Sinh ngày: 06/10/1980 tại Hải Dương; Nơi cư trú: Thôn 1, xã Đông M, huyện Thanh T, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: Lớp 7/12; Con ông Ngô Thế K và bà Nguyễn Hồng N. Bị cáo có chồng là Nguyễn Hồng T và có 03 người con, lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm 2018.

Tiền sự: Không; Tiền án: Không.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 13/4/2019. Có mặt.

8. Bị cáo: **HOÀNG PHẠM THỌ S**, tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 02/01/1987 tại Hà Nội; Nơi cư trú: Số 70, ngõ Mai H, phường Bạch M, quận H, thành phố Hà Nội; Chỗ ở hiện nay: Tổ 33, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 12/12. Con ông Hoàng Văn Đ và bà Phạm Thị U. Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền sự: Không; Tiền án: Không.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 27/6/2019. Có mặt.

9. Bị cáo: **NGUYỄN DANH M**, tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 18/12/1987 tại huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu 4, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ; Nơi đăng ký tạm trú: Tổ 2, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lào Cai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 12/12. Con ông Nguyễn Anh Tuấn và bà Bùi Thị H. Bị cáo có vợ là Dương Thị Thu H và có 01 con sinh năm 2016.

Tiền sự: Bị cáo bị Công an huyện Bát Xát xử phạt 2.000.000 đồng, bị cáo đã thi hành xong.

Tiền án: Không.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 27/6/2019. Có mặt.

10. Bị cáo: **NGUYỄN TRUNG T**, tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 30/8/1991 tại Lào Cai. Nơi cư trú: Thôn 3, xã Đ, thành phố L, tỉnh Lào Cai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Giáy; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 11/12. Con ông Nguyễn Văn P và bà Giàng Thị M. Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền sự: Không; Tiền án: Không.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 13/4/2019. Có mặt.

11. Bị cáo: **LÊ HUY H**, tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 14/12/1992 tại huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Bản L, xã P, huyện V, tỉnh Yi; Nơi đăng ký tạm trú: Tổ 09, phường P, thành phố L, tỉnh Lào Cai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 12/12. Con ông Lê Văn V và bà Hoàng Thị Anh L. Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền sự: Không; Tiền án: Không.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày **27/6/2019**. Có mặt.

12. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Hoàng Quang C

Địa chỉ: Tổ 13, phường P, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

13. Người làm chứng:

- Chị Phùng Thị N

Địa chỉ: Số 019A, đường L, phường P, thành phố Li, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

- Anh Bùi Văn H

Địa chỉ: Số 019A, đường L, phường P, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

- Anh Lưu Trung C

Địa chỉ: Tổ 14, phường P, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

- Anh Nguyễn Sơn T

Địa chỉ: Khu 6, thôn Đ, thị trấn Yên L, huyện Yên L, tỉnh Vĩnh Phúc. Vắng mặt.

- Anh Lưu Mạnh H

Địa chỉ: Tổ 14, phường P, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

- Anh Nguyễn Tự D

Địa chỉ: Tổ 02, phường P, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

- Anh Phạm Văn C

Địa chỉ: Thôn T, xã G, huyện B, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

- Anh Nguyễn Khắc Điệp P

Địa chỉ: Thôn 7, xã Đ, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

- Chị Lê Phương N

Địa chỉ: Tổ 01, phường P, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đêm ngày 03/4/2019 tại Quán karaoke A99 thuộc tổ 14, phường Phố Mới, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai. Có 02 nhóm hát karaoke tại phòng hát VIP 999 và phòng hát VIP 9999.

Nhóm hát tại phòng **VIP 999** gồm các bị cáo: Lại Tiến H, Lê Anh T, Hoàng Văn M, Lê Huy H, Trần Lâm H, Nguyễn Danh M, Phạm Văn Q.

Nhóm hát tại phòng **VIP 9999** gồm các bị cáo: Ngô Thị Hồng N, Nguyễn Trung T, Hoàng Phạm Thọ S, Nguyễn Văn H.

Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 04/4/2019 các bị cáo của cả 2 phòng hát cùng hát xong và ra quầy lễ tân chờ thanh toán tiền hát. Do có quen biết từ trước nên Ngô Thị Hồng N đến ngồi cạnh Lại Tiến H nói chuyện. Hiểu lầm Ngô Thị Hồng N và Lại Tiến H có mâu thuẫn cãi nhau, nên Hoàng Phạm Thọ S đi đến nói to “*Thằng nào nói chị tao cái gì*”, “*Đứa nào bảo bà Nhung làm sao*”, “*Chúng mày làm gì chị tao*”. Thấy vậy, Lê Anh T (*đang ngồi sát với vị trí Sơn đứng*) bức tức, đứng dậy chửi bới, dùng tay phải bóp vào miệng của Sơn đồng thời đẩy Sơn lùi về phía sau hướng ra phía cầu thang bộ khoảng ba bước thì dùng chân phải đá một nhát trúng người Sơn, còn Lại Tiến H chửi và lấy một chiếc điều cày từ trong xô đựng rác gần bàn uống nước vục một nhát vào vai phải của Hoàng Phạm Thọ S, Hoàng Văn M đi đến vừa chửi vừa dùng tay phải đâm một nhát vào mặt Hoàng Phạm Thọ S.

Sau khi thấy Hoàng Phạm Thọ S bị nhóm của Lại Tiến H đánh, Ngô Thị Hồng N vừa chửi vừa can ngăn nhưng không được, nên các bị cáo của cả hai nhóm vừa chửi bới và dùng tay, chân, điều cày, ấm chén bát sứ, dao của quán hát lao vào đánh, chém lẫn nhau tại quán hát. Sau đó có một số bị cáo chạy ra đường Lê Khôi đuổi đánh nhau. Trong đó có bị cáo Lại Tiến H, Ngô Thị Hồng N dùng điều cày. Bị cáo Nguyễn Văn H, Hoàng Phạm Thọ S dùng dao. Bị cáo Lê Anh T, Trần Lâm H dùng ấm sứ. Bị cáo Hoàng Văn M dùng chén sứ. Bị cáo **Phạm Văn Q** dùng bát sứ, kệ inox đánh nhau.

Hậu quả bị cáo Ngô Thị Hồng N bị tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định là 21%, Nguyễn Trung T là 03%, Nguyễn Danh M là 10%, Hoàng Phạm Thọ S là 06%, Lê Huy H là 09% và làm hư hỏng ấm, chén, bát, chậu hoa....của quán hát và quán ăn đêm trên đường Lê Khôi, gây náo loạn khu dân cư. Các bị cáo Ngô Thị Hồng N, Nguyễn Trung T, Nguyễn Danh M, Hoàng Phạm Thọ S không đề nghị xử lý về hình sự và không yêu cầu bồi thường gì về thương tích của mình. Đối với các tài sản bị hư hỏng đã được bồi thường, nên những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cũng không có yêu cầu gì.

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai người làm chứng, bản kết luận giám định và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Cáo trạng số 100/CT-VKS ngày 28/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai truy tố các bị cáo Lê Anh T, Lại Tiến H, Phạm Văn Q, Hoàng Văn M, Trần Lâm H, Nguyễn Văn H, Ngô Thị Hồng N, Hoàng Phạm Thọ S về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự. Truy tố bị cáo Nguyễn Trung T, Lê Huy H, Nguyễn Danh M về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại khoản 1 Điều 318 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Lê Anh T, Lại Tiến H, Phạm Văn Q, Hoàng Văn M, Trần Lâm H, Nguyễn Văn H, Ngô Thị Hồng N, Hoàng Phạm Thọ S, Nguyễn Trung T, Lê Huy H, Nguyễn Danh M phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt Lê Anh T từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 04 năm đến 04 năm 6 tháng. Giao Lê Anh T cho Ủy ban nhân dân phường Pú Trạng, thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái giám sát, giáo dục.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt Lại Tiến H từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 04 năm 06 tháng đến 05 năm. Giao Lại Tiến H cho Ủy ban nhân dân phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái giám sát, giáo dục.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt Phạm Văn Q từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng. Giao Phạm Văn Q cho Ủy ban nhân dân xã Hán Đà, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái giám sát, giáo dục.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt Hoàng Văn M từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 04 năm 06 tháng đến 05 năm. Giao Hoàng Văn M cho Ủy ban nhân dân xã Phú Thịnh, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái giám sát, giáo dục.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt Trần Lâm H từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng. Giao Trần Lâm H cho Ủy ban nhân dân xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái giám sát, giáo dục.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt Hoàng Phạm Thọ S từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 04 năm 06 tháng đến 05 năm. Giao Hoàng Phạm Thọ S cho Ủy ban nhân dân phường Bạch Mai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt Nguyễn Văn H từ 02 năm 06 tháng đến 02 năm 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 05 năm. Giao Nguyễn Văn H cho Ủy ban nhân dân xã Liên Ninh, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm n, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt Ngô Thị Hồng N từ 02 năm 06 tháng đến 02 năm 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 05 năm. Giao Ngô Thị Hồng N cho Ủy ban nhân dân xã Đông Mỹ, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục.

Áp dụng khoản 1 Điều 318; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 36; Điều 58 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt Nguyễn Danh M 18 tháng đến 21 tháng phạt cải tạo không giam giữ. Giao cho Ủy ban nhân dân thị trấn Bát Xát, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai giám sát, giáo dục.

Áp dụng khoản 1 Điều 318; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 36; Điều 58 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt Nguyễn Trung T từ 09 tháng đến 12 tháng phạt cải tạo không giam giữ. Giao cho Ủy ban nhân dân xã Đồng Tuyển, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai giám sát, giáo dục.

Áp dụng khoản 1 Điều 318; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58, Điều 36 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt Lê Huy H từ 09 tháng đến 12 tháng phạt cải tạo không giam giữ. Giao cho Ủy ban nhân dân xã Phù Nham, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái giám sát, giáo dục.

Các bị cáo không có tài sản riêng nên không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo

Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị tịch thu tiêu hủy: 08 con dao phóng lộn có kích thước khác nhau; 01 tuýp sắt dài 84 cm; 01 thanh kiếm bằng kim loại dài 1,02 mét; 01 con dao dài 66,5 cm, là những hung khí không xác định được chủ sở hữu và 01 miếng cày bằng nửa màu vàng, đã bị gãy có chiều dài 25cm, nhiều mảnh sứ màu trắng bị vỡ có kích thước khác nhau, 01 chiếc áo phông cộc tay màu đen là vật chứng của vụ án.

Tuyên án phí, quyền kháng cáo cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền,

trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận tội. Đêm ngày 04/4/2019 các bị cáo đã có hành vi chửi bới và dùng tay, chân, hung khí như dao, điều cày, ầm, chén, bát sứ... đuổi, đánh nhau gây náo loạn, mất trật tự trị an trên địa bàn thành phố Lào Cai. Trong đó các bị cáo Lại Tiến H, Lê Anh T, Trần Lâm H, Phạm Văn Q, Hoàng Văn M, Ngô Thị Hồng N, Nguyễn Văn H và Hoàng Phạm Thọ S ngoài dùng tay, chân đấm, đá các bị cáo còn sử dụng hung khí là dao, điều cày, ầm sứ, chén sứ, bát sứ để tham gia đánh nhau gây rối trật tự công cộng. Các bị cáo Nguyễn Trung T, Nguyễn Danh M và Lê Huy H dùng tay, chân đấm đá nhau, chửi bới, gây láo loạn khu dân cư.

Như vậy đã có đủ căn cứ kết luận hành vi của các bị cáo Lại Tiến H, Lê Anh T, Trần Lâm H, Phạm Văn Q, Hoàng Văn M, Ngô Thị Hồng N, Nguyễn Văn H và Hoàng Phạm Thọ S cấu thành tội “Gây rối trật tự công cộng”. Tội phạm và hình phạt quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự. Hành vi của các bị cáo Nguyễn Trung T, Nguyễn Danh M và Lê Huy H cấu thành tội “Gây rối trật tự công cộng”. Tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 318 của Bộ luật Hình sự.

Xác định đây là vụ án đồng phạm mang tính chất giản đơn, không có sự bàn bạc, phân công giữa các bị cáo, không có sự chuẩn bị hung khí từ trước, các bị cáo đều bột phát thực hiện hành vi phạm tội. Xác định các bị cáo đều là những người thực hành, trực tiếp, tham gia gây rối trật tự công cộng.

Các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, có nhận thức và hiểu biết về pháp luật, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật xong vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự công cộng, vi phạm nếp sống văn minh, quy tắc của cuộc sống xã hội, ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, đồng thời còn gây tổn hại sức khỏe và làm hư hỏng tài sản của người khác. Vì vậy, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với hành vi phạm tội của mình đã gây ra.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

3.1. Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

3.2. Tình tiết giảm nhẹ:

- Tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ Luật hình sự:

+ Các bị cáo Lại Tiến H, Lê Anh T, Trần Lâm H, Phạm Văn Q, Hoàng Văn M, Ngô Thị Hồng N, Nguyễn Văn H, Hoàng Phạm Thọ S, Nguyễn Trung T, Nguyễn Danh M và Lê Huy H sau khi phạm tội quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn

khai khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

+ Bị cáo Nguyễn Trung T, Nguyễn Danh M và Lê Huy H phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

+ Bị cáo Lại Tiến H sau khi phạm tội đã tự nguyện bồi thường thiệt hại nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

+ Bị cáo Ngô Thị Hồng N hiện đang có thai và trong thời gian được tại ngoại bị cáo tích cực hợp tác với công an cả Đồng Tuyển, thành phố Lào Cai trong việc phát hiện tội phạm nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm n, điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

+ Bị cáo Nguyễn Văn H trong thời gian được tại ngoại bị cáo tích cực hợp tác với công an xã Thanh Sơn, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương trong việc phát hiện tội phạm nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: Bị cáo Nguyễn Danh M có bà nội được tặng thưởng Huy chương kháng chiến; Bị cáo Lê Anh T có ông, bà ngoại được tặng thưởng Huân chương kháng chiến; Bị cáo Trần Lâm H có bố đẻ được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhì; Bị cáo Phạm Văn Q có ông nội là Phạm Văn Ban được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba; Bị cáo Hoàng Văn M có ông, bà ngoại được tặng thưởng Huân chương kháng chiến, Huy chương vì sự nghiệp giải phóng phụ nữ; Bị cáo Nguyễn Văn H ngày 13/4/2019 đã đến Cơ quan điều tra đầu thú. Bị cáo Ngô Thị Hồng N có mẹ và ông ngoại được tặng Giấy khen vì sự nghiệp giáo dục và khen thưởng chống Pháp; Bị cáo Hoàng Phạm Thọ S có cậu ruột là người nuôi dưỡng bị cáo từ nhỏ là thương binh hạng 4/4. Nên các bị cáo đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra bị cáo Ngô Thị Hồng N, Nguyễn Văn H, Hoàng Phạm Thọ S hiện là lao động duy nhất trong gia đình, bị cáo Ngô Thị Hồng N hiện một mình đang nuôi 03 người con trong đó có 01 con dưới 36 tháng tuổi.

Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cũng như nhân thân của các bị cáo thấy rằng hành vi phạm tội của các bị cáo cần xử lý nghiêm trước pháp luật, có mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Đối với bị cáo Nguyễn Danh M, Nguyễn Trung T và Lê Huy H đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, phạm tội nhất thời, không có sự phân công, chuẩn bị từ trước, không gây hậu quả lớn, có nơi cư trú ổn định rõ ràng. Xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội, mà phạt các bị cáo cải tạo không giam giữ, giao các bị cáo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi các bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục cũng đủ điều kiện để cải tạo các bị cáo.

Khẩu trừ thu nhập của bị cáo Lê Huy H, Nguyễn Trung T, Nguyễn Danh M, mỗi bị cáo 300.000VNĐ/1 tháng (Ba trăm nghìn đồng), trong thời gian cải tạo không giam giữ, để sung vào ngân sách nhà nước và các bị cáo phải thực hiện nghĩa vụ về cải tạo không giam giữ quy định tại Điều 75 của Luật Thi hành án hình sự.

Đối với bị cáo Lê Anh T, Trần Lâm H, Lại Tiến H, Phạm Văn Q, Hoàng Văn M, Hoàng Phạm Thọ S, Ngô Thị Hồng N, Nguyễn Văn H đều bị truy tố tại điểm b khoản 2 điều 318 của Bộ luật hình sự. Tuy nhiên các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng, phạm tội nhất thời, sau khi phạm tội đã ăn năn hối cải, không gây khó khăn cho cơ quan tiến hành tố tụng khi điều tra, xét xử vụ án. Các bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng để cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giám sát, giáo dục. Xét thấy, không cần phải bắt các bị cáo chấp hành hình phạt tù, các bị cáo cũng có khả năng tự cải tạo và việc cho các bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Vì vậy việc cho các bị cáo Lê Anh T, Trần Lâm H, Lại Tiến H, Phạm Văn Q, Hoàng Văn M, Hoàng Phạm Thọ S, Ngô Thị Hồng N, Nguyễn Văn H hưởng án treo, giao các bị cáo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi các bị cáo cư giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách là phù hợp.

[4] Về vật chứng vụ án: Vật chứng chuyển theo hồ sơ vụ án gồm: 01 chiếc điều cày bằng nửa màu vàng, đã bị gãy có chiều dài 25 cm; nhiều mảnh sứ màu trắng bị vỡ có kích thước khác nhau; và 01 chiếc áo phông cộc tay màu đen là vật chứng của vụ án. Đối với 08 con dao phóng lợn có kích thước khác nhau; 01 tuýp sắt dài 84 cm; 01 thanh kiếm bằng kim loại dài 1,02 mét; 01 con dao dài 66,5 cm không xác định được chủ sở hữu. Xét thấy các vật chứng trên không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy theo điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và khoản 2 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự là phù hợp.

[5] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự. Tuyên bố các bị cáo Lê Anh T, Lại Tiến H, Phạm Văn Q, Hoàng Văn M, Trần Lâm H, Ngô Thị Hồng N, Nguyễn Văn H, Hoàng Phạm Thọ S, Lê Huy H, Nguyễn Danh M và Nguyễn Trung T phạm tội “*Gây rối trật tự công cộng*”.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 318; Điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự: Phạt bị cáo Lê Huy H 09 tháng cải tạo không giam giữ. Phạt bị cáo Nguyễn Trung T 09 tháng cải tạo không giam giữ. Phạt bị cáo Nguyễn Danh M 18 tháng cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Lê Huy H cho Ủy ban nhân dân xã Phù Nham, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái, nơi bị cáo cư trú để giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Nguyễn Trung T cho Ủy ban nhân dân xã Đồng Tuyển, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, nơi bị cáo cư trú để giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Nguyễn Danh M cho Ủy ban nhân dân thị trấn Bát Xát, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai, nơi bị cáo cư trú để giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ của các bị cáo tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục các bị cáo nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Khấu trừ thu nhập của bị cáo Lê Huy H, Nguyễn Trung T, Nguyễn Danh M, mỗi bị cáo 300.000VNĐ/1 tháng (Ba trăm nghìn đồng), trong thời gian cải tạo không giam giữ, để sung vào ngân sách nhà nước và các bị cáo phải thực hiện nghĩa vụ về cải tạo không giam giữ quy định tại Điều 75 của Luật Thi hành án hình sự.

3. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự: Phạt Lê Anh T 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường Pú Trạng, thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái, nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

4. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự: Phạt Lại Tiến H 02 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm 06 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

5. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự: Phạt Phạm Văn Q 02 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm 06 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Hán Đà, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái, nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

6. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự: Phạt Trần Lâm H 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

7. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự: Phạt Hoàng Văn M 02 năm 03 tháng tù nhưng

cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm 06 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Phú Thịnh, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái, nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

8. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự: Phạt Hoàng Phạm Thọ S 02 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm 06 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường Bạch Mai, thành phố Hà Nội, nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

9. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s, điểm t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Phạt Nguyễn Văn H 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Liên Ninh, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội, nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

10. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; Điểm n, điểm s, điểm t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Phạt Ngô Thị Hồng N 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Đông Mỹ, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội, nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp các bị cáo được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú, làm việc thì thực hiện theo quy định tại Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Hậu quả của việc vi phạm nghĩa vụ trong thời gian thử thách của án treo: “Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

11. Về vật chứng: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 08 con dao phóng lộn có kích thước khác nhau, cán hàn bằng ống kim loại, lưỡi dao màu đen, một mũi nhọn, một lưỡi sắc; 01 tuýp sắt dài 0,84m, đường kính 03cm; 01 thanh kiếm bằng kim loại dài 1,02m, lưỡi hơi cong, có một lưỡi sắc, sống kiếm có rãnh ở hai bên, cán dài 29cm có quần dây vải dù màu xanh, bên ngoài lưỡi kiếm có bọc vỏ kiếm bằng gỗ sơn màu đen dài 76cm, bản rộng nhất 4,05cm; 01 con dao dài 66,5cm, cán dài 20cm được bọc nhựa màu đen và kim loại màu vàng, lưỡi dao có một mũi nhọn, một lưỡi sắc, bản rộng nhất là 05cm, lưỡi dao đã bị han gỉ; 01 chiếc điều cày bằng nứa màu vàng, đã bị gãy có chiều dài 25cm, đường kính 4,5cm, phần điều cày bọc kim loại màu vàng dài 10cm, thân điều cày gắn cố định giá kê bằng gỗ màu vàng; nhiều mảnh sứ màu trắng bị vỡ có kích thước khác nhau (được đựng trong một túi nilon); 01 chiếc áo phông cộc tay màu đen trên thân áo có một số vết màu nâu khô nghi máu, phần trước bụng chiếc áo có một vết rách dài 05cm được niêm phong theo quy định.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 30/10/2019)

12. Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc các bị cáo Lê Anh T, Lại Tiến H, Phạm Văn Q, Hoàng Văn M, Trần Lâm H, Nguyễn Danh M, Lê Huy H, Ngô Thị Hồng N, Nguyễn Văn H, Hoàng Phạm Thọ S và Nguyễn Trung T mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)* tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA